

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/5/2024

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Lợi

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXX-ST ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Trú tại: Thôn 2, xã Đức S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Anh Trần Xuân B, sinh năm 1974; Nơi ĐKKHKT: Thôn Liên T, xã Cẩm N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện trú tại: 410 QLA, Phường B Hưng H, quận B T, TP.Hồ Chí Minh

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân B đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm N, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh ngày 27/06/2019, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm; chị và anh B sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Xuân B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Trần Xuân B: Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Xuân B trình bày: Anh đã biết việc Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên đang thụ lý, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Hiện nay anh đang làm việc tại TP.Hồ Chí Minh, vì lý do công việc nên không thể trực tiếp tại Tòa án để làm việc theo triệu tập. Anh nhất trí việc Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên giải quyết vụ án. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị H; Về con chung: Vợ chồng không có con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Trần Xuân B còn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Đề nghị Tòa án giải quyết trong thời gian sớm nhất để anh và chị H sớm ổn định cuộc sống.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa: Về việc tuân theo tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa các thành viên Hội đồng xét xử có mặt đầy đủ, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; Quá trình xét xử đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng; Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Xuân B; Về con chung: Không có con chung nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Xuân B, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Trần Xuân B có nơi đăng ký HKTT: Thôn Liên Thành, xã Cẩm N, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, từ trước đến nay chưa cắt khẩu, chuyển khẩu đi nơi khác, do công việc nên hiện trú tại phường B Hưng Hòa, quận B Tân, TP.Hồ Chí Minh, anh Trần Xuân B nhất trí việc Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều

39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Sau khi đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân B đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm N ngày 27/06/2019. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, không liên lạc với nhau, hai vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Xuân B cũng cho rằng vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không liên lạc gì với nhau, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau... nhưng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân B không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Xuân B.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Xuân B

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên theo biên lai thu tiền số 0009209 ngày 28/3/2024. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- UBND xã Cẩm N;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

